

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI THÁNG 3 VÀ QUÝ I NĂM 2009
VÀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KÍCH CẦU
THEO NGHỊ QUYẾT 30/2008/NQ-CP

(Tài liệu họp báo ngày 31/3/2009)

Ngày 30-31/3/2009 Chính phủ tổ chức phiên họp Chính phủ thường kỳ thảo luận tình hình kinh tế xã hội tháng 3 và Quý I năm 2009, dưới đây là một số kết quả chủ yếu về tình hình thực hiện kinh tế xã hội tháng 3 và Quý I năm 2009 và triển khai các giải pháp kích cầu theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP của Chính phủ, như sau:

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI THÁNG 3 VÀ QUÝ I NĂM 2009

1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I đạt 3,1%, thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm trước là 7,49%; trong đó: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,4% (cùng kỳ tăng 3%); khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 1,5% (cùng kỳ tăng 8%), dịch vụ tăng 5,4% (cùng kỳ tăng 8,3%).

2. Giá trị sản xuất công nghiệp tháng 3 năm 2009 ước đạt 53,2 nghìn tỷ đồng, tăng 2,4% so với cùng kỳ (so với tháng 2 tăng 2,6%), trong đó khu vực doanh nghiệp nhà nước giảm 3,9% (Trung ương giảm 3,2%; địa phương giảm 6%); khu vực ngoài quốc doanh tăng 6% và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 3,1%. Tính chung giá trị sản xuất công nghiệp quý I đạt 152,9 nghìn tỷ đồng, chỉ tăng 2,1% so với cùng kỳ năm 2008 (cùng kỳ tăng 16,3%), trong đó khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 2,9%. Phân theo cơ cấu ngành công nghiệp khai thác tăng 6,1%; công nghiệp chế biến tăng 1,8%; công nghiệp điện, ga, nước tăng 3,6%.

Xét theo diễn biến các tháng: tháng 1 giá trị sản xuất công nghiệp giảm tới 4,7% so với tháng 12/2008; sang tháng 2 tăng 8,4% so với tháng 1 và tháng 3 tiếp tục tăng 2,6% so với tháng 2. Động thái này là kết quả tích cực của việc thực hiện các chính sách hỗ trợ sản xuất và kích cầu.

Trong Quý I, trừ một số mặt hàng như: dầu thô khai thác tăng 16,9%, bia tăng 10,4%, xi măng tăng 10%; các sản phẩm công nghiệp khác đều tăng ở mức

thấp: đường kính, sữa bột, giày thể thao, khí đốt, xà phòng giặt, điện sản xuất, nước máy thương phẩm tăng khoảng 3-7,9%; các mặt hàng khác đều giảm so với cùng kỳ. Các mặt hàng có tốc độ giảm khá lớn gồm: kính thủy tinh giảm 41,8%; giấy, bì giảm 39,2%; vải dệt từ sợi bông giảm 38,3%; lốp ô tô, máy kéo giảm 37,9%; xe chở khách giảm 33,7%; gạch lát ceramic giảm 32,9%; dầu thực vật tinh luyện giảm 14,5%, xe máy giảm 12,7%...

Về lĩnh vực xây dựng có chuyển biến nhanh hơn, nhờ tận dụng được cơ hội giá vật liệu xuống thấp và thị trường bất động sản có dấu hiệu bước đầu phục hồi. Tốc độ tăng giá trị gia tăng ngành xây dựng quý I đạt mức cao là 6,9% (năm 2008 giảm 0,4%).

3. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản quý I ước đạt 44,6 nghìn tỷ đồng, tăng 0,9% so với cùng kỳ, trong đó: nông nghiệp giảm 0,1%, lâm nghiệp tăng 2,5%, thủy sản tăng 3,9%. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng thấp, chủ yếu do mất mùa vụ Đông ở phía Bắc và sản lượng lúa vụ Đông xuân đồng bằng Sông Cửu Long thấp hơn năm trước do điều chỉnh giống lúa mới có chất lượng cao nhưng năng suất thấp hơn giống lúa vụ trước.

Ngoài những khó khăn thiên tai, lũ lụt đầu năm, đến nay tình hình sản xuất nông nghiệp phát triển khá thuận lợi. Giá vật tư, phân bón đã giảm xuống, giá xuất khẩu lương thực, nông sản trên thị trường thế giới đang có chiều hướng tăng cùng với nhu cầu của thị trường cao hơn năm trước; tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Tính đến 15/3/2009, các tỉnh miền Nam thu hoạch được 800,8 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 80,7% so với cùng kỳ. Các địa phương gieo cấy được 3 triệu ha lúa đông xuân, tăng 2,6% so với cùng kỳ; trong đó các tỉnh miền Bắc gieo cấy được 1,1 triệu ha, tăng 5,3%; các tỉnh miền Nam gieo cấy được 1,9 triệu ha, tăng 1%.

Về cây công nghiệp tính đến ngày 15/3/2009 cả nước gieo trồng được 244 nghìn ha cây công nghiệp ngắn ngày, trong đó: lạc giảm 2,3% so với cùng kỳ, đậu tương giảm 4,2%; rau, đậu các loại tăng 8%; màu lương thực giảm 11%.

Chăn nuôi sản xuất quý I tương đối thuận lợi, dịch bệnh được kiểm soát, tăng trưởng sản lượng thức ăn chăn nuôi công nghiệp 3 tháng đạt khoảng 15-20%.

Đánh bắt hải sản tăng cao do thời tiết thuận lợi, giá xăng dầu giảm nhiều so với năm 2008, sản xuất có lãi, ngư dân phần khởi ra khơi. Nuôi trồng thủy sản hầu như không tăng, tuy nhiên triển vọng có thể mở ra nếu khai thông được 2 thị trường có sức mua lớn là Nga và Brazil.

4. Khu vực dịch vụ có mức tăng trưởng cao nhất so với nông nghiệp và công nghiệp, với tốc độ tăng giá trị gia tăng quý I/2009 là 5,4%.

Tổng mức lưu chuyển hàng hóa tháng 3/2009 ước đạt 88,5 nghìn tỷ đồng. Tính chung 3 tháng đạt 270 nghìn tỷ đồng, tăng 21,9% so với cùng kỳ năm 2008.

Lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam 3 tháng đầu năm đạt 992,2 nghìn lượt khách, giảm 16,1% so với cùng kỳ năm 2008. Trong đó lượng khách du lịch quốc tế từ một số nước có thu nhập cao đến Việt Nam tăng khá so với cùng kỳ: Hoa Kỳ tăng 17,2%; Canada tăng 11,1%; Úc tăng 4,8%,... Tuy nhiên, khách du lịch một số nước thường xuyên đến Việt Nam lại giảm khá mạnh, như: Trung Quốc giảm 23,6%, Thái Lan giảm 30,8%, Hàn Quốc giảm 25,7%, Nhật Bản giảm 11,7%, Malaixia giảm 8,7%, Đài Loan giảm 11,6%,...

Hoạt động vận tải hàng hoá và hành khách: trong quý I lưu lượng hàng hoá có nhu cầu vận chuyển lớn, nhu cầu đi lại của người dân và khách du lịch tăng nhanh, có tác động tích cực đến lĩnh vực dịch vụ giao thông vận tải. Quý I/2009 vận tải hành khách ước đạt 478,3 triệu lượt và 20,3 tỷ HK.Km, tăng 6,8% về l-ượt hành khách vận chuyển và 4,3% về lượt hành khách luân chuyển. Tuy nhiên, do tác động của khủng hoảng kinh tế, vận tải hàng hoá quý I/2009 có dấu hiệu chậm lại. Vận tải hàng hoá quý I ước đạt 156,1 triệu tấn và 39,9 tỷ T.Km, giảm 0,1% về tấn vận chuyển và giảm 5,2% về T.Km so với cùng kỳ năm 2008.

5. Hoạt động xuất, nhập khẩu:

Kim ngạch xuất khẩu tháng 3 năm 2009 ước đạt 4,7 tỷ USD, giảm 6,5% so với tháng 2 năm 2009, trong đó xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) đạt 1,5 tỷ USD. Tính chung kim ngạch xuất khẩu quý I/2009 đạt 13,48 tỷ USD, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2008 (cùng kỳ tăng 22,7%); trong đó xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) đạt 4,47 tỷ USD, giảm 13% so với cùng kỳ năm 2008 (cùng kỳ 2008 tăng 21,1%).

Đa số các mặt hàng xuất khẩu chủ lực đều giảm so với cùng kỳ năm 2008, trong đó một số mặt hàng kim ngạch xuất khẩu giảm mạnh¹. Bên cạnh các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm, có một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng khá cao như: sắn tăng 2,2 lần, gạo tăng hơn 1,7 lần về giá trị và lượng; hạt tiêu tăng 64,5% về lượng và tăng 15,5% về giá trị; chè tăng 10,5%,...

Kim ngạch nhập khẩu tháng 3 ước đạt 4,3 tỷ USD, tăng 2,7% so với tháng 2. Tính chung Quý I đạt 11,83 tỷ USD, giảm 45% (giảm 8,5 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2008, trong đó kim ngạch nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn

¹ Cao su giảm 46,3%; dây điện và cáp điện giảm 45,3%, dầu thô giảm 45,5% về giá trị nhưng tăng 22,4% về lượng; gỗ và sản phẩm gỗ giảm 22,9%; mây tre, cói, thảm giảm 21,3%; gốm, sứ giảm 19,9%; điện tử, máy tính và linh kiện giảm 12,8%; chất dẻo giảm 11,3%; túi xách, ví, vali, mũ, ô dù giảm 11,2%; giấy dép giảm 10,8%; thủy sản giảm 10,4%,...

đầu tư nước ngoài đạt 4,33 tỷ USD, giảm 32,4%; khu vực doanh nghiệp trong nước giảm 20,1%.

Trong quý I, trừ mặt hàng tân dược tăng 22,4%, tất cả các mặt hàng còn lại đều giảm so với cùng kỳ năm 2008 như: xăng dầu giảm 17,7% về lượng và 60,2% về giá trị; thức ăn gia súc giảm 51,9%; ô tô giảm 63,5%; sắt thép giảm 71%; gỗ và sản phẩm gỗ giảm 55,9%,...

Xuất siêu quý I/2009 gần 1,65 tỷ USD, bằng 12,2% kim ngạch xuất khẩu.

6. Tài chính, tiền tệ và giá cả:

Thu Ngân sách Nhà nước: tháng 3/2009 có nhiều chuyển biến tích cực, số thu ngân sách tháng 3 ước đạt 28,3 nghìn tỷ đồng, tăng khoảng 17,9% so với tháng trước, cao hơn mức thực hiện tháng 2/2009. Tổng thu NSNN quý I ước đạt 86,3 nghìn tỷ đồng, bằng 22,1% dự toán, trong đó thu nội địa đạt 52,9 nghìn tỷ đồng, đạt 22,7% dự toán; thu dầu thô đạt 12,8 nghìn tỷ đồng, đạt 20,1% kế hoạch; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 19,7 nghìn tỷ đồng, đạt 22,3% kế hoạch.

Chi ngân sách nhà nước quý I đạt khoảng 100,6 nghìn tỷ đồng, bằng 20,5% kế hoạch, trong đó chi đầu tư phát triển đạt 23,6 nghìn tỷ đồng, bằng 20,9% kế hoạch; chi sự nghiệp kinh tế xã hội và quốc phòng an ninh đạt 63,7 nghìn tỷ đồng, bằng 23,7% kế hoạch; chi trả nợ và viện trợ đạt gần 13,3 nghìn tỷ đồng, bằng 22,6% kế hoạch.

Về giá cả: trong quý I, giá cả tương đối ổn định và dao động ở mức thấp. So với tháng trước chỉ số giá tiêu dùng tháng 1 tăng 0,32%, tháng 2 tăng 1,17%, tháng 3 giảm 0,17%. So với tháng 12/2008 chỉ số giá tiêu dùng tháng 3 tăng 1,32% (cùng kỳ năm trước tăng 9,19%).

So với tháng 12/2008, trừ phương tiện đi lại và bưu điện giảm 4,09%, các nhóm hàng khác đều tăng từ 1,1-4,25%, trong đó nhóm hàng có mức tăng cao nhất là: đồ dùng và dịch vụ khác tăng 4,25%; đồ uống và thuốc lá tăng 3,06%; nhà ở vật liệu xây dựng tăng 2,68%; may mặc, giày dép và mũ nón tăng 2,1%,...

Chỉ số giá vàng tháng 3 tăng 5,44% so với tháng 2 và tăng 15,55% so với tháng 12/2008; chỉ số giá đô la Mỹ tăng 0,19% so với tháng 2 và tăng 2,6% so với tháng 12/2008.

7. Đầu tư phát triển: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội quý I ước đạt 116,3 nghìn tỷ đồng, bằng 37,4% GDP, trong đó:

Vốn đầu tư nguồn ngân sách tập trung: Nhờ việc thực hiện các chính sách kích cầu đầu tư, thanh toán các khoản ứng vốn thuộc kế hoạch năm 2009 và thanh toán khối lượng XDDB hoàn thành trong kế hoạch 2008, nên việc giải ngân của các

địa phương đạt khá. Khối lượng vốn đầu tư ngân sách nhà nước thực hiện tháng 3 ước đạt 8,3 nghìn tỷ đồng. Tính chung Quý I chi đầu tư phát triển đạt 23,6 nghìn tỷ đồng, đạt 20,9% kế hoạch, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn tín dụng đầu tư phát triển nhà nước: quý I ước đạt 18 nghìn tỷ đồng, bằng 40% kế hoạch năm, tuy nhiên nguồn vốn trong nước cho vay mới đạt 4 nghìn tỷ đồng, bằng 15,4% kế hoạch; nguồn vốn ODA cho vay lại đạt 1 nghìn tỷ đồng, bằng 11% kế hoạch; dư nợ bình quân hỗ trợ xuất khẩu đạt 13 nghìn tỷ đồng, vượt 30% kế hoạch.

Thu hút vốn ODA: trong quý I/2009, có 3 chương trình, dự án đã ký kết thông qua Hiệp định với tổng trị giá 26,2 triệu USD, trong đó: vốn vay đạt 21 triệu USD, vốn viện trợ không hoàn lại đạt 5,23 triệu USD. Ước tổng giá trị giải ngân đạt khoảng 198 triệu USD, bằng 10,4% kế hoạch năm; trong đó vốn vay khoảng 153 triệu USD, vốn viện trợ không hoàn lại khoảng 45 triệu USD

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài: quý I/2009, cả nước có 93 dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đầu tư đăng ký là 2,2 tỷ USD, giảm 72% về số dự án và giảm 70% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2008. Có 34 lượt dự án tăng vốn, với tổng số vốn tăng thêm là 3,8 tỷ USD, giảm 69% về số dự án, nhưng tăng 34% về vốn so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả cấp mới và tăng vốn đạt hơn 6 tỷ USD, giảm 40% so với cùng kỳ. Tổng số vốn đầu tư FDI thực hiện đạt 1,44 tỷ USD, giảm 14% so với quý I/2008.

8. Phát triển doanh nghiệp:

Ước quý I cả nước có 15,6 nghìn doanh nghiệp đăng ký kinh doanh, với tổng số vốn đăng ký là 77,4 nghìn tỷ đồng. Nhìn chung số doanh nghiệp đăng ký mới, cũng như tổng số vốn đăng ký trong quý I năm 2009 giảm thấp hơn so với cùng kỳ 3,2% về số doanh nghiệp và 46,2% về số vốn đăng ký.

9. Các lĩnh vực xã hội:

Do tác động của thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và những tác động do sản xuất bị thu hẹp dần, dẫn đến tình trạng thiếu việc làm, ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống nhân dân. Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện nhiều chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ cho người nghèo, đồng bào dân tộc, các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, các đối tượng chính sách và những người bị mất việc làm do suy giảm kinh tế,... để giảm bớt khó khăn cho người dân và thúc đẩy sản xuất. Các hoạt động giáo dục đào tạo, văn hóa thông tin và chăm sóc sức khỏe nhân dân đã khắc phục các khó khăn. Nhờ đó, tình hình chính trị xã hội giữ được ổn định, tạo được sự đồng thuận trong việc thực hiện chính sách của nhà nước.

Đánh giá chung, do chịu tác động của suy thoái kinh tế và thương mại thế giới, giá xuất khẩu giảm mạnh cùng với sự thu hẹp thị trường xuất khẩu, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh,... đầu tư sản xuất kinh doanh đều bị giảm sút, hầu hết các

Chỉ tiêu trong quý I đều đạt thấp so với kế hoạch, trong đó: tốc độ tăng trưởng kinh tế quý I thấp nhất trong nhiều năm qua, tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp, nông, lâm, thủy sản, tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu, ... đều giảm so với tốc độ tăng cùng kỳ năm trước. Nhưng với những quyết tâm, nỗ lực của Đảng và Nhà nước, của các cấp, các ngành, của toàn dân, tình hình kinh tế mặc dù đang rất khó khăn, nhưng bắt đầu có chuyển biến theo chiều hướng tích cực khá rõ nét trong hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tình hình chính trị xã hội tiếp tục được ổn định. Những khó khăn tạm thời của sản xuất, việc làm và đời sống nhân dân đang được Chính phủ chỉ đạo quyết liệt, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng cao hơn trong quý II và 6 tháng cuối năm 2009.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP KÍCH CẦU THEO NGHỊ QUYẾT 30/2008/NQ-CP.

Trước tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu tác động tới phát triển kinh tế xã hội nước ta, ngay trong tháng 12/2008 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội với 5 nhóm giải pháp chủ yếu: (1) thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu; (2) thực hiện các biện pháp kích cầu đầu tư và tiêu dùng; (3) thực hiện chính sách tài chính và tiền tệ linh hoạt; (4) bảo đảm an sinh xã hội; (5) tăng cường công tác tổ chức và điều hành. Với nhóm giải pháp này, trong 3 tháng đầu năm 2009 Chính phủ đã tập trung triển khai ngay các giải pháp cụ thể như sau:

(1) Rà soát lại toàn bộ các văn bản pháp luật hiện hành về đầu tư, xây dựng để sửa đổi ngay những bất cập làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án đầu tư.

(2) Cho phép tiếp tục giải ngân số vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ còn lại của năm 2008 đến hết tháng 6 năm 2009. Đối với các dự án, công trình quan trọng cấp bách cần hoàn thành trong năm 2009-2010 nhưng chưa bố trí được nguồn vốn, được tạm ứng các nguồn vốn và ngân sách nhà nước để thực hiện. Hoãn không thu hồi các khoản vốn ngân sách nhà nước đã ứng trước kế hoạch năm 2009, trừ các khoản đã được tạm ứng năm 2009 để hoàn thành trong năm 2008. Đối với các dự án, công trình sử dụng nguồn trái phiếu Chính phủ được điều hoà vốn giữa các dự án, công trình và được thanh toán theo tiến độ; bổ sung vốn trái phiếu Chính phủ để thực hiện đầu tư các công trình giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế và xây dựng nhà ở cho sinh viên.

(3) Điều hành giá theo cơ chế thị trường đối với các mặt hàng: điện, than, nước sạch, cước vận chuyển xe buýt,...

(4) Thực hiện miễn, giảm một số khoản thuế, như: giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của quý IV năm 2008 và số thuế thu nhập doanh

ng nghiệp phải nộp của năm 2009 đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa; giãn thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 9 tháng đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2009 của các doanh nghiệp nhỏ và vừa nói trên (70% số thuế còn lại sau khi giảm) và của các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, gia công, chế biến nông, lâm, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử; tạm hoàn 90% số thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với hàng hoá thực xuất khẩu trong trường hợp doanh nghiệp chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng và hoàn tiếp 10% khi có chứng từ thanh toán; điều chỉnh thuế suất thuế xuất khẩu đối với một số loại tài nguyên, khoáng sản; điều chỉnh giảm thuế suất thuế nhập khẩu đối với một số nhóm hàng là nguyên liệu đầu vào của sản xuất, trong nước chưa sản xuất được hoặc có sản xuất nhưng không đáp ứng đủ nhu cầu để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh; điều chỉnh tăng thuế trong khuôn khổ cam kết WTO, tạo điều kiện cho phát triển sản xuất trong nước, kiểm chế nhập siêu;....

(5) Điều chỉnh giảm lãi suất cơ bản phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh. Thực hiện các biện pháp để tạo điều kiện tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng cho các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa; doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu và doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm, ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của ngân hàng thương mại; thực hiện hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất kinh doanh với mức hỗ trợ là 4%.

(6) Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội nhằm hỗ trợ người nghèo, đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa gặp nhiều khó khăn, người lao động mất việc làm như: hỗ trợ các địa phương và người dân gặp thiệt hại do lũ lụt; thực hiện chính sách giảm nghèo nhanh và bền vững cho 61 huyện nghèo; thúc đẩy đầu tư xây dựng nhà cho người nghèo, các đối tượng chính sách và người có nhu cầu về nhà ở khác; triển khai thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp và một số chính sách an sinh xã hội khác.

Các giải pháp, chính sách cấp bách trên hiện nay đang được các cơ quan, đơn vị quán triệt nghiêm túc triển khai trong các tháng đầu năm, đã đưa lại một số kết quả bước đầu đối với phát triển sản xuất và giải quyết nhiều khó khăn cho đời sống nhân dân./.